

Số: 88/2012/BCTC-KTTV-KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2011 của Công ty Cổ phần CMC gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 20 tháng 3 năm 2012, từ trang 06 đến trang 34 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần CMC tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Hoàng Đức

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV

Hoàng Thị Viết

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0374/KTV

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, Phường Tiên Cát, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		138,171,429,358	170,241,916,613
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	32,263,444,121	75,346,335,941
1. Tiền	111		19,263,444,121	7,866,590,978
2. Các khoản tương đương tiền	112		13,000,000,000	67,479,744,963
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25,769,793,546	38,142,530,354
1. Phải thu khách hàng	131		14,928,611,393	17,872,862,056
2. Trả trước cho người bán	132		10,195,572,540	17,767,778,942
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây d	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		2,176,847,348	3,288,217,965
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1,531,237,735)	(786,328,609)
IV. Hàng tồn kho	140		68,782,829,314	56,338,577,890
1. Hàng tồn kho	141		68,810,769,056	56,525,658,599
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(27,939,742)	(187,080,709)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11,355,362,377	414,472,428
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		202,458,636	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2,522,409,274	21,932,940
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2,048,945,525	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		6,581,548,942	392,539,488

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	202,161,854,021	69,457,559,145
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212	-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-
II. Tài sản cố định	220	201,554,748,791	67,651,970,660
1. Tài sản cố định hữu hình	221	43,238,195,161	56,626,892,225
<i>Nguyên giá</i>	222	249,758,889,741	245,197,643,408
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	(206,520,694,580)	(188,570,751,183)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
<i>Nguyên giá</i>	225	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229	-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	158,316,553,630	11,025,078,435
III. Bất động sản đầu tư	240	-	-
<i>Nguyên giá</i>	241	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	607,105,230	1,805,588,485
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	607,105,230	1,805,588,485
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	340,333,283,379	239,699,475,758

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết t	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		220,012,387,523	121,071,358,662
I. Nợ ngắn hạn	310		147,671,477,724	109,953,554,193

1. Vay và nợ ngắn hạn	311	87,107,255,768	71,512,528,802
2. Phải trả người bán	312	43,037,875,341	27,221,057,885
3. Người mua trả tiền trước	313	249,113,658	564,996,512
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	3,901,073,962	4,776,836,602
5. Phải trả người lao động	315	4,669,256,699	2,520,737,629
6. Chi phí phải trả	316	558,635,723	465,680,144
7. Phải trả nội bộ	317	-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	3,667,495,932	1,622,393,500
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4,480,770,641	1,269,323,119
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327	-	-
II. Nợ dài hạn	330	72,340,909,799	11,117,804,469
1. Phải trả dài hạn người bán	331	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	516,400,000	966,400,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	71,513,436,954	9,927,880,576
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	311,072,845	223,523,893
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	120,320,895,856	118,628,117,096
I. Vốn chủ sở hữu	410	120,320,895,856	118,628,117,096
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	80,000,000,000	80,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	9,134,644,710	9,134,644,710
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	(3,473,940,000)	(1,283,480,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	14,573,514,500	11,700,300,417
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	2,446,135,447	1,140,483,171
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17,640,541,199	17,936,168,798
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	432	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	340,333,283,379	239,699,475,758

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết t	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		30,195.08	289.10
Euro (EUR)		46,184.49	72.30
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 20 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bình Minh

Dương Quốc Chính

Nguyễn Quang Huy



CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, Phường Tiên Cát, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	287,163,871,227	270,907,666,994
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4,526,453,737	3,293,699,436
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		282,637,417,490	267,613,967,558
4. Giá vốn hàng bán	11		231,980,475,951	209,476,984,160
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		50,656,941,539	58,136,983,398
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		5,325,492,226	3,604,390,137
7. Chi phí tài chính	22		13,719,608,928	8,828,775,554
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10,619,930,892	6,814,871,887
8. Chi phí bán hàng	24		5,745,511,915	5,241,442,894
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14,132,354,041	13,691,984,388
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22,384,958,881	33,979,170,699
11. Thu nhập khác	31		1,717,429,787	979,084,277
12. Chi phí khác	32		144,604,508	140,860,939
13. Lợi nhuận khác	40		1,572,825,279	838,223,338
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23,957,784,160	34,817,394,037
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3,298,897,878	4,485,571,661
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20,658,886,282	30,331,822,376
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	2,636	7,583

Lập ngày 20 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bình Minh

Dương Quốc Chính

Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, Phường Tiên Cát, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	23,957,784,160	34,817,394,037
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	17,949,943,397	16,216,398,601
- Các khoản dự phòng	03	585,768,159	661,249,081
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	(2,533,837,105)	(260,705,214)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2,366,036,902)	(2,943,839,441)
- Chi phí lãi vay	06	10,619,930,892	6,862,871,887
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	48,213,552,601	55,353,368,951
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	7,114,705,823	(10,512,027,878)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(12,285,110,457)	(10,167,009,311)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	9,508,220,707	1,471,034,833
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	996,024,619	(1,776,193,168)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(10,526,975,313)	(6,436,501,165)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	14	(6,494,538,378)	(3,374,316,320)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	200,000,000	500,000,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(8,439,509,454)	(2,486,900,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	28,286,370,148	22,571,455,942

II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và

	các tài sản dài hạn khác	21	(140,297,232,645)	(26,323,168,403)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn về	25	-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn	26	-	28,000,000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức	27	2,366,036,902	2,648,702,182
	Lưu chuyển tiền thuần từ	30	(137,931,195,743)	(23,646,466,221)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	49,134,644,710
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32	(2,190,460,000)	(1,283,480,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33	308,955,176,443	204,272,755,788
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(228,953,036,663)	(168,754,393,328)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho	36	(11,337,021,372)	(14,697,309,153)
Lưu chuyển tiền thuần từ	40	66,474,658,408	68,672,218,017
Lưu chuyển tiền thuần từ	50	(43,170,167,187)	67,597,207,738
Tiền và tương đương tiền	60	75,346,335,941	7,749,161,837
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ	61	87,275,367	(33,634)
Tiền và tương đương tiền	70	32,263,444,121	75,346,335,941

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 20 tháng 3 năm 2012
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bình Minh

Dương Quốc Chính

Nguyễn Quang Huy



CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất kinh doanh: Vật liệu xây dựng (gạch ngói, các loại tấm lợp...) đường ống thoát nước và phụ kiện nước, thiết bị gia công chế biến gỗ dân dụng và gỗ xây dựng, cầu kiện đúc sẵn, bê tông thương phẩm; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm biến áp, lắp đặt đường điện chiếu sáng, trang trí nội thất ngoại thất; Đầu tư kinh doanh nhà.
- 4. Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có 394 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 430 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, Phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, Phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 15
Máy móc và thiết bị	5 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

9. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 2% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, Phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty

11. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

12. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 ngày 12 tháng 5 năm 2011 như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	5 %
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	10 %

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828,00 VND/USD
: 27.044,41 VND/EUR

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, Phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

17. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính.

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, Phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, Phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	541.470.271	431.209.147
Tiền gửi ngân hàng	18.721.973.850	7.435.381.831
Các khoản tương đương tiền	13.000.000.000	67.479.744.963
- Tiền gửi có hạn kỳ từ 3 tháng trở xuống	13.000.000.000	67.479.744.963
Cộng	32.263.444.121	75.346.335.941

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Văn phòng Công ty	7.651.708.900	10.963.589.797
Tại chi nhánh Hồ Chí Minh	1.722.451.390	1.745.159.250
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	1.118.532.555	728.194.461
Tại chi nhánh Hà Nội	4.435.918.548	4.435.918.548
Cộng	14.928.611.393	17.872.862.056

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Văn phòng Công ty	10.085.572.540	17.591.778.942
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	110.000.000	176.000.000
Cộng	10.195.572.540	17.767.778.942

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu Tổng Công ty Sông Hồng	694.741.506	1.694.741.506
Thu CBCNV tiền cho vay	108.728.503	221.105.528
Tiền tạm ứng của CB CNV đã nghỉ việc	11.000.000	11.000.000
Phải thu chi nhánh Miền Trung - Công trình Chợ Vinh chưa quyết toán	597.141.672	597.141.672
Phải thu khoản cho Công ty Cổ phần 26 - Tổng Sông Hồng vay	500.000.000	400.000.000
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	6.666.667	305.660.259
Phải thu Công ty CP XLDN Long Giang tiền cho vay	200.000.000	
Các khoản phải thu khác	58.569.000	58.569.000
Cộng	2.176.847.348	3.288.217.965

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ quá hạn 3 năm	(1.531.237.735)	(786.328.609)
Cộng	(1.531.237.735)	(786.328.609)

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, Phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	39.706.732.813	41.447.299.507
Công cụ, dụng cụ	302.843.632	215.447.106
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	1.324.124.319	1.324.124.319
Thành phẩm	27.365.242.988	13.385.477.675
Hàng hóa	154.183.168	153.309.992
Cộng	68.853.126.920	56.525.658.599

(*) Là giá trị dở dang công trình Nam Trung Yên do Chi nhánh Hà Nội thi công cho Tổng Công ty Sông Hồng nhưng chưa quyết toán được.

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thành phẩm	27.939.742	129.472.477
Hàng hóa	-	57.608.232
Cộng	27.939.742	187.080.709

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	187.080.709	107.491.740
Trích lập dự phòng bổ sung	-	103.062.634
Hoàn nhập dự phòng	(159.140.967)	(23.473.665)
Số cuối năm	27.939.742	187.080.709

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là giá trị còn lại của chi phí sửa chữa lò hơi chưa phân bổ

9. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Là thuế GTGT nộp thừa tại Văn phòng Công ty

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tạm ứng	356.239.488	392.539.488
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	6.225.309.454	
Cộng	6.581.548.942	392.539.488

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, Phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	32.510.758.129	201.719.421.111	9.954.822.839	1.012.641.329	245.197.643.408
Tăng trong năm	131.628.153	850.000.000	3.545.981.817	33.636.363	4.561.246.333
- <i>Mua sắm mới</i>	-	850.000.000	3.545.981.817	33.636.363	4.429.618.180
- <i>Đầu tư XDCB hoàn thành</i>	131.628.153	-	-	-	131.628.153
Giảm trong năm					-
Số cuối năm	32.642.386.282	202.569.421.111	13.500.804.656	1.046.277.692	249.758.889.741
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	1.819.521.722	79.173.913.082	1.860.116.304	757.304.409	83.610.855.517
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	22.658.904.660	161.357.148.153	3.743.265.480	811.432.890	188.570.751.183
Tăng do khấu hao trong năm	1.720.101.882	14.196.549.242	1.916.703.398	116.588.875	17.949.943.397
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	24.379.006.542	175.553.697.395	5.659.968.878	928.021.765	206.520.694.580
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	9.851.853.469	40.362.272.958	6.211.557.359	201.208.439	56.626.892.225
Số cuối năm	8.263.379.740	27.015.723.716	7.840.835.778	118.255.927	43.238.195.161

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 129.132.088.234 VND và 24.167.596.722 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Thị xã Phú Thọ, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thị xã Phú Thọ và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, Phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của các công trình

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Công trình nhà xưởng cất gạch	131.628.153		131.628.153		-
Nhà máy SX gạch CMC số 2	10.819.983.815	147.496.569.815			158.316.553.630
Mở rộng nhà xưởng Bao Bì	73.466.467			73.466.467	-
Cộng	11.025.078.435	147.496.569.815	131.628.153	73.466.467	158.316.553.630

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ	12.581.764	-		9.436.323
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.793.006.721	-	1.195.337.814	597.668.907
Cộng	1.805.588.485	-	1.195.337.814	607.105.230

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	72.917.206.891	62.143.102.902
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Thọ (a)</i>	<i>27.759.471.719</i>	<i>42.150.478.127</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN TX Phú Thọ (b)</i>	<i>43.803.082.052</i>	<i>19.992.624.775-</i>
<i>Ngân hàng HSBC (c)</i>	<i>1.354.653.120</i>	<i>-</i>
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	2.788.227.500	3.278.117.900
Vay dài hạn đến hạn trả	11.401.821.377	6.091.308.000
Cộng	87.107.255.768	71.512.528.802

(a): Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2009/HĐ ngày 30 tháng 6 năm 2009 có hiệu lực đến ngày 31 tháng 5 năm 2010; hạn mức 53 tỷ VND; lãi suất cho vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm vay.

(b): Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phú Thọ theo Hợp đồng tín dụng số 10130086/HĐTDHM ngày 30/06/2010, hạn mức cho vay 20 tỷ VND, mục đích sử dụng tiền vay để sản xuất gạch ốp lát Ceramic, lãi suất tiền vay linh hoạt theo từng lần nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, Phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Giảm do đánh giá lại CLTG</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	62.143.102.902	234.405.138.696	-	223.621.545.963	9.488.744	72.917.206.891
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	3.278.117.900	58.815.300	-	548.705.700	-	2.788.227.500
Vay dài hạn đến hạn trả	6.091.308.000	-	9.966.821.377	4.656.308.000	-	11.401.821.377
Cộng	71.512.528.802	234.463.953.996	9.966.821.377	228.826.559.663	9.488.744	87.107.255.768

15. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Văn phòng Công ty	39.869.005.816	23.880.808.070
Tại chi nhánh Hồ Chí Minh	284.580.405	455.960.695
Tại chi nhánh Hà Nội	2.884.289.120	2.884.289.120
Cộng	43.037.875.341	27.221.057.885

16. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Văn phòng Công ty	249.113.658	564.996.512
Tại chi nhánh Hồ Chí Minh	-	-
Cộng	249.113.658	564.996.512

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	21.724.539	30.779.880	2.083.498.344	(2.030.993.925)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	11.014.232.011	11.014.232.011	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	232.628.921	186.207.398	46.421.523
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.234.172.736	3.298.897.878	6.494.538.378	1.038.532.236
Thuế thu nhập cá nhân	482.371.018	164.821.541	87.490.099	559.702.460
Tiền thuê đất	32.400	641.002.000	641.034.400	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Các loại thuế khác	38.535.909	2.199.930.234	-	2.238.466.143
Cộng	4.776.836.602	17.587.292.465	20.512.000.630	1.852.128.437

Trong đó

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (Xem thuyết minh V.9)	2.048.945.525
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.901.073.962
Chênh lệch	1.852.128.437

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, Phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 03 năm tiếp theo. Năm 2006 là năm đầu tiên Công ty bắt đầu kinh doanh có lãi nhưng Công ty đã có Công văn số 79/CV – CMC ngày 06 tháng 3 năm 2008 đề nghị được nộp thuế năm 2006 và bắt đầu miễn thuế từ năm 2007 và đã được Cơ quan thuế chấp nhận.

Năm 2011 là năm tài chính cuối cùng Công ty được giảm 50% thuế TNDN.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.957.784.160	34.817.394.037
Lợi nhuận kế toán trước thuế của hoạt động kinh doanh chính	22.384.958.881	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động kinh doanh chính:	600.753.779	347.834.583
- Các khoản điều chỉnh tăng	600.753.779	347.834.583
Chi phí thù lao hội đồng quản trị không tham gia điều hành	148.000.000	108.000.000
Thuế bị phạt, truy thu		50.021.583
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	365.478.412	189.813.000
Lỗ CLTG chưa thực hiện tiền gửi ngân hàng	87.275.367	-
- Các khoản điều chỉnh giảm		-
Tổng thu nhập chịu thuế của hoạt động kinh doanh chính	22.985.712.660	35.165.228.620
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	5.746.428.165	8.791.307.155
Thuế TNDN được giảm 50%	(2.873.214.083)	(4.395.653.578)
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước		89.918.084
Thuế TNDN phải nộp của hoạt động KD chính	2.873.214.082	4.485.571.661
Thu nhập chịu thuế của hoạt động khác	1.572.825.279	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	129.909.905	-
Tổng thu nhập chịu thuế của hoạt động khác	1.702.735.184	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp của hoạt động khác	425.683.796	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.298.897.878	4.485.571.661

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, Phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với các khu đất của Văn phòng Công ty và Quầy Trung tâm tại phường Tiên Cát - TP. Việt Trì - Phú Thọ với diện tích là 75.534 m² có thời hạn thuê là 50 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 1996 đến ngày 01 tháng 01 năm 2046, số tiền là: 641.002.000 đồng.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Chi phí phải trả

Là trích trước chi phí lãi vay phải trả

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	321.333.568	214.479.142
Kinh phí công đoàn	487.491.740	526.752.740
Cổ tức phải trả	1.034.453.075	371.474.447
Chiết khấu thương mại phải trả đại lý	1.547.503.824	155.609.727
Quỹ ủng hộ	-	128.476.702
Tiền tạm ứng chi trả hộ BHXH	-	41.807.938
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	100.000.000	100.000.000
Phải trả khác	176.713.725	83.792.804
Cộng	3.667.495.932	1.622.393.500

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.269.323.119	1.059.852
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	4.775.647.522	3.755.163.267
Chi quỹ trong năm	(1.564.200.000)	(2.486.900.000)
Số cuối năm	4.480.770.641	1.269.323.119

21. Phải trả dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

22. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay dài hạn ở các Ngân hàng:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ ^(a)	1.450.000.000	5.665.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ ^(b)	3.383.491.104	4.262.880.576
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Việt Trì ^(c)	66.679.945.850	-
Cộng	71.513.436.954	9.927.880.576

(a): Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ để xây dựng và lắp đặt thiết bị khí hóa than ngòi phi 3,2m "01 lò" hai giai đoạn thay thế gas hóa lỏng sử dụng cho lò nung và sấy đứng, đầu tư máy ép thủy lực theo Hợp đồng tín dụng số 07.02.0077 ngày 18 tháng 9

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, Phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

năm 2007 và phụ lục hợp đồng số 002 ngày 12 tháng 12 năm 2008; số tiền vay 20 tỷ VND; thời hạn vay 66 tháng; lãi suất trong hạn là lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành + phí 3,6%/năm, chu kỳ xác định lãi suất: 6 tháng/lần.

(b): Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ để cải tạo nâng cấp dây chuyền sản xuất Sacmi, đầu tư cải tạo hệ thống nguồn điện, cải tạo lò nung Wellko của Công ty Cổ phần CMC theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2008/HĐ ngày 08 tháng 01 năm 2008; số tiền vay tối đa là 4.550.000.000 đồng, thời hạn vay là 42 tháng, thời gian ân hạn 03 tháng; lãi suất cho vay VND bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng cộng phí tối thiểu 3,3%/năm. Khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án sau khi đầu tư.

(c): Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Việt Trì theo hợp đồng tín dụng trung, dài hạn tháng 8 năm 2010 để đầu tư dự án xây dựng nhà máy số 2 (giai đoạn 1) để sản xuất gạch Ceramic. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất theo các khế ước nhận nợ

Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn

Từ 1 năm trở xuống	11.401.821.377
Trên 1 năm đến 5 năm	71.513.436.954
Trên 5 năm	-
Tổng nợ	82.915.258.331

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

	Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Phú Thọ	Ngân hàng ĐT và Phát triển VN - CN Phú Thọ	Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN - CN Phú Thọ (*)	Cộng
Số đầu năm	5.665.000.000	4.262.880.576	-	9.927.880.576
Số tiền vay phát sinh trong năm	-	126.477.000	74.364.745.447	74.491.222.447
Tăng do đánh giá lại CLTG cuối năm	-	426.918.528	206.472.829	633.391.357
Số tiền vay đã trả trong năm	-	126.477.000	-	126.477.000
Số kết chuyển	4.215.000.000	1.306.308.000	4.445.513.377	9.966.821.377
Giảm do đánh giá lại CLTG cuối năm	-	-	3.445.759.049	3.445.759.049
Số cuối năm	1.450.000.000	3.383.491.104	66.679.945.850	71.513.436.954

(*): Tăng do đánh giá lại CLTG cuối năm là khoản vay dài hạn bằng USD, giảm do đánh giá lại CLTG cuối năm là khoản vay dài hạn bằng EUR

23. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	223.523.893	151.063.935
Số trích lập trong năm	200.000.000	181.581.316
Số chi trong năm	(112.451.048)	(109.121.358)
Số cuối năm	311.072.845	223.523.893

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, Phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**24. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	40.000.000.000	-	-	7.304.646.839	311.264.052	11.686.843.386	59.302.754.277
Cổ đông góp vốn bằng tiền	40.000.000.000	9.134.644.710	-	-	-	-	49.134.644.710
Cổ phiếu mua lại trong năm	-	-	(1.283.480.000)	-	-	-	(1.283.480.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	30.331.822.376	30.331.822.376
Tăng do Thuế TNDN năm 2010 được giảm 50%	-	-	-	4.395.653.578	-	(4.395.653.578)	-
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	829.219.119	(4.584.382.386)	(3.755.163.267)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(7.102.461.000)	(7.102.461.000)
Tạm ứng cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	80.000.000.000	9.134.644.710	(1.283.480.000)	11.700.300.417	1.140.483.171	17.936.168.798	118.628.117.096
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	9.134.644.710	(1.283.480.000)	11.700.300.417	1.140.483.171	17.936.168.798	118.628.117.096
Cổ phiếu mua lại trong năm	-	-	(2.190.460.000)	-	-	-	(2.190.460.000)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	20.658.886.282	20.658.886.282
Tăng do thuế TNDN năm 2011 được giảm 50%	-	-	-	2.873.214.083	-	(2.873.214.083)	-
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	1.305.652.276	(6.081.299.798)	(4.775.647.522)
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	80.000.000.000	9.134.644.710	(3.473.940.000)	14.573.514.500	2.446.135.447	17.640.541.199	120.320.895.856

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, Phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	80.000.000.000	80.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	9.134.644.710	9.134.644.710
Cổ phiếu quỹ	(3.473.940.000)	(1.283.480.000)
Cộng	85.660.704.710	87.851.164.710

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức năm trước	1.525.744.197	7.228.792.803
Tạm ứng cổ tức năm nay	9.811.277.175	7.468.516.350
Cộng	11.337.021.372	14.697.309.153

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	8.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(205.900)	(61.200)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(205.900)	(61.200)
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.794.100	7.938.800
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.794.100	7.938.800
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, Phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	287.163.871.227	270.907.666.994
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>3.920.443.423</i>	<i>18.284.731.328</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>283.243.427.804</i>	<i>252.622.935.666</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(4.526.453.737)	(3.293.699.436)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>(4.108.870.237)</i>	<i>(2.873.004.360)</i>
<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>(154.707.500)</i>	<i>(203.718.276)</i>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(262.876.000)</i>	<i>(216.976.800)</i>
Doanh thu thuần	282.637.417.490	267.613.967.558
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	<i>3.920.443.423</i>	<i>18.284.731.328</i>
<i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	<i>278.716.974.067</i>	<i>249.329.236.230</i>

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	2.582.981.270	16.277.167.519
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	229.397.494.681	193.199.816.641
Cộng	231.980.475.951	209.476.984.160

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	188.674.160	354.551.011
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.363.910.773	2.901.811.411
Lãi công trái Xây dựng Tổ quốc	-	12.726.000
Lãi cho vay	2.126.129	29.302.030
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	236.944.059	45.294.471
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.533.837.105	260.705.214
Cộng	5.325.492.226	3.604.390.137

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	10.619.930.892	6.814.871.887
Lãi ký quỹ phải trả cho các đại lý	55.370.000	48.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.044.308.036	1.965.903.667
Cộng	13.719.608.928	8.828.775.554

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, Phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3.151.829.118	2.431.010.891
Chi phí khấu hao TSCĐ	226.963.512	214.230.588
Chi phí dịch vụ mua ngoài	951.180.878	1.600.738.351
Chi phí bằng tiền khác	1.415.538.407	287.441.367
Hàng khuyến mãi cấp mẫu	-	708.021.697
Cộng	5.745.511.915	5.241.442.894

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.769.539.150	6.463.565.607
Chi phí vật liệu quản lý	1.780.615	5.984.063
Chi phí khấu hao TSCĐ	639.534.114	543.210.013
Thuế, phí và lệ phí	646.002.000	651.713.091
Chi phí dự phòng	446.338.290	740.838.050
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.582.780.409	2.830.011.626
Chi phí bằng tiền khác	3.046.379.463	2.456.661.938
Cộng	14.132.354.041	13.691.984.388

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền bán phế liệu	1.346.034.329	834.313.227
Thu tiền hồ sơ mời thầu	19.000.000	21.000.000
Thu tiền cho nhân viên thuê nhà, điện, nước sử dụng	24.780.000	56.940.000
Tiền thi nâng bậc	-	22.800.000
Thu nhập từ nhập hàng mẫu	245.315.680	-
Thu tiền cho thuê quầy	48.000.000	-
Thu nhập khác	34.299.778	44.031.050
Cộng	1.717.429.787	979.084.277

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị phế liệu xuất bán trong năm	14.694.603	77.434.633
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	50.021.583
Xử lý công nợ không thu hồi được	129.237.207	
Chi phí khác	672.698	13.404.723
Cộng	144.604.508	140.860.939

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, Phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.658.886.282	30.331.822.376
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20.658.886.282	30.331.822.376
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.837.163	4.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.636	7.583

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.938.800	4.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 01 tháng 09 năm 2010	-	1.326.027
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 01 tháng 11 năm 2010	-	(6.802)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 01 tháng 12 năm 2010	-	(1.741)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 01 tháng 01 năm 2011	(58.500)	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 01 tháng 06 năm 2011	(18.608)	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 14 tháng 07 năm 2011	(20.946)	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 01 tháng 08 năm 2011	(3.583)	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.837.163	5.317.484

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.4 đến VII.8 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, Phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.031.097.996	1.018.220.829
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	21.926.964	17.823.073
Phụ cấp	210.000.000	306.000.000
Cộng	1.263.024.960	1.342.043.902

3. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần CMC là sản xuất gạch men các loại. Báo cáo kết quả kinh doanh đã thể hiện rõ doanh thu, chi phí và lợi nhuận của hoạt động này nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị sổ sách</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.263.444.121	75.346.335.941	32.263.444.121	75.346.335.941
Phải thu khách hàng	14.046.447.530	17.084.601.247	14.046.447.530	17.084.601.247
Các khoản phải thu khác	8.109.322.418	3.678.825.253	8.109.322.418	3.678.825.253
Cộng	54.419.214.069	96.109.762.441	54.419.214.069	96.109.762.441
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	158.620.692.722	81.440.409.378	158.620.692.722	81.440.409.378
Phải trả người bán	43.037.875.341	27.221.057.885	43.037.875.341	27.221.057.885
Các khoản phải trả khác	9.722.861.199	5.798.735.166	9.722.861.199	5.798.735.166
Cộng	211.381.429.262	114.460.202.429	211.381.429.262	114.460.202.429

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, Phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.11). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách
Số cuối năm	
Nhà cửa vật kiến trúc	7.999.844.336
Máy móc thiết bị	16.167.752.386
Cộng	24.167.596.722

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	87.107.255.768	71.513.436.954	-	158.620.692.722
Phải trả người bán	43.037.875.341	-	-	43.037.875.341
Các khoản phải trả khác	8.895.388.354	827.472.845	-	9.722.861.199
Cộng	139.040.519.463	72.340.909.799	-	211.381.429.262

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, Phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ	71.512.528.802	9.927.880.576	-	81.440.409.378
Phải trả người bán	27.221.057.885	-	-	27.221.057.885
Các khoản phải trả khác	4.608.811.273	1.189.923.893	-	5.798.735.166
Cộng	103.342.397.960	11.117.804.469	-	114.460.202.429

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bình Minh

Dương Quốc Chính

Nguyễn Quang Huy